

Bản án số: 66/2024/HS-ST
Ngày 24-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Bà Bùi Thị Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Hoàng Ngọc Khanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/HSST-QĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị Thúy M, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1985, tại Vĩnh Phúc. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn Đình Ngõ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tiến H và bà Nguyễn Thị X; có chồng là Bùi Văn T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 10/11/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/11/2023; có mặt.

2. Đỗ Thị Kim O, sinh ngày 13 tháng 02 năm 1979, tại Thái Nguyên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: L4A khu chung cư Hoàng Huy, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân T và bà Lê Thị P; có chồng là Nguyễn Trường K và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 10/11/2023; tạm giam ngày 17/11/2023; có mặt.

3. Nguyễn Thị T, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1985, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Trương Thị L; có chồng là Nguyễn Văn L (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 09/11/2023; tạm giam ngày 17/11/2023; có mặt.

4. Ngô Thị H, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1994, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn H và bà Vũ Thị M; có chồng là Vũ Văn H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/01/2024; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/11/2023, Công an huyện An Dương lập 03 tổ công tác tiến hành tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn huyện An Dương, Hải Phòng. Đến khoảng 18 giờ 02 phút ngày 09/11/2023, tại thôn 5 Ngõ Dương, xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, tổ công tác thứ nhất Công an huyện An Dương phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Thị T đang có hành vi bán số đề cho Vũ Văn Q, sinh năm 2001, trú tại thôn 2, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng và Nguyễn Hồng H, sinh năm 1998, trú tại thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Thu giữ của T số tiền 10.920.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng là tiền vừa bán số đề, 02 tập tích kê và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu xám; thu giữ của Q và H mỗi người 01 tờ tích kê. Cùng ngày, tổ công tác thứ hai kiểm tra phát hiện tại lô L4A khu chung cư Hoàng Huy, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Đỗ Thị Kim O đang bán số đề cho Lê Văn S, sinh năm 1993, trú tại thôn 6, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; thu giữ của O số tiền 100.000 đồng là tiền vừa bán số đề, 01 quyển sổ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 7plus màu đen và thu giữ 01 tờ giấy của S. Tổ công tác thứ ba kiểm tra tại thôn Đình Ngõ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng phát hiện Ngô Thị H có biểu hiện mua bán số đề; thu giữ của Hà số tiền 650.000 đồng, 01 tập tích kê trong đó có 05 tờ đầu tiên ghi số lô đề đã bán ngày 09/11/2023, 01 tập giấy in số màu đỏ trang đầu tiên có in bảng đề ngày 09/11/2023 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu oppo.

Các đối tượng T, O và Hà khai nhận đã bán đề thuê cho Phạm Thị Thúy M. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thị Thúy M, thu giữ 01 quyển sổ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 promax. Tiến hành kiểm tra sổ ghi chép của Phạm Thị Thúy M phát hiện 01 trang M ghi nhận bảng đề ngày 22/9/2023 của Nguyễn Thị T với số tiền là 6.890.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thị Thúy M, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Kim O và Ngô Thị H khai nhận: Khoảng tháng 02/2023, M gặp và thuê T, Hà bán số đề, T và Hà đồng ý. Đến khoảng tháng 8/2023, M tiếp tục thuê O bán số đề, O đồng ý. M thống nhất với O, T và Hà về việc O, T, Hà được hưởng từ 6% đến 7,5% trên tổng số tiền khách đánh đề, 35% hoặc 40% trên tổng số tiền khách đánh ba càng, 05% trên tổng số tiền khách đánh bao thường, 18% hoặc 20% trên tổng số tiền khách đánh bao xiên. Hàng ngày, trước khi có kết quả xổ số, O, T, Hà chụp lại bảng đề gửi qua ứng dụng zalo cho M rồi hủy bảng đề và xóa ảnh đi. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc, M sẽ tính phần trăm hoa hồng của những người chuyển bảng đề cho mình cộng với số tiền trúng đề (nếu có) rồi ghi ra giấy hoặc sổ đến ngày hôm sau sẽ đến thanh toán tiền hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. T, O, Hà đã nhiều ngày bán số lô, đề và chuyển cho M nhưng không nhớ đã bán và chuyển cho M bao nhiêu tiền. Đến ngày 28/10/2023, M nghỉ, không nhận chuyển số lô, số đề và báo cho T, O và Hà biết. Toàn bộ giấy tờ, sổ ghi chép liên quan đến việc bán số đề giữa O, T, Hà và M đã hủy bỏ hết. Sau đó, T tiếp tục bán số đề và chuyển bảng đề cho đối tượng tên Đ, trú tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; O tiếp tục bán số đề và chuyển bảng đề cho đối tượng tên Hương, trú tại tổ dân phố T, phường M, quận Đ, Hải Phòng; còn H chuyển bảng đề cho đối tượng tên T (chưa rõ nhân thân lai lịch) và thỏa thuận phần trăm hoa hồng như thời điểm chuyển bảng đề cho M. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập hành vi của các bị cáo thể hiện như sau:

Hành vi của Phạm Thị Thúy M và Nguyễn Thị T: Ngày 22/9/2023, Nguyễn Thị T đã bán số lô, số đề cho nhiều người (chưa xác định được nhân thân lai lịch) được tổng số tiền 6.890.000 đồng (gồm số tiền bán xiên là 70.000 đồng; tiền bán ba càng 70.000 đồng; số tiền bao thường là 4.000.000 đồng; số tiền đề là 2.750.000 đồng), trong đó có bán cho 01 đối tượng số đề 14 với số tiền 50.000 đồng. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, kết quả xổ số miền Bắc trả thưởng giải đặc biệt là 22714, đối tượng trên trúng thưởng số tiền 4.500.000 đồng. T đã lấy 4.500.000 đồng từ số tiền bán đề để trả cho đối tượng này, T được hưởng lợi 440.000 đồng. Sau đó, T chuyển bảng đề cho M và M đã chép ra sổ của mình. Ngày 23/9/2023, sau khi trừ số tiền T được hưởng là 440.000, tiền khách trúng đề 4.500.000 đồng, tiền M nợ T trước đó 620.000 đồng còn lại số tiền 1.330.000 đồng, T đã sử dụng tài khoản ngân hàng MB số 9966669986666 mang tên Nguyễn Thị T chuyển số tiền 1.330.000 đồng vào tài khoản ngân hàng MB số 66658566666 mang tên Phạm Thị Thúy M.

Khoảng 18 giờ 02 phút ngày 09/11/2023, T đang bán số đề tại trước cửa nhà ở thôn 5 Ngõ Dương, xã An Hòa, huyện An Dương, Hải Phòng thì Vũ Văn Q vào hỏi mua 02 cặp số bao xiên ba gồm 41-12-25 và 39-93-12 với số tiền mỗi cặp là 250.000 đồng; số đề đầu 7 từ 70 đến 79 (10 số) với số tiền mỗi số là 50.000 đồng; số đề đầu 9 từ 90 đến 99 (10 số) với số tiền mỗi số là 100.000 đồng; số đề 93, 73 với số tiền mỗi số là 500.000 đồng; tổng số tiền Q mua số lô, đề là 3.000.000 đồng. T đồng ý, nhận số tiền 3.000.000 đồng của Q và ghi tích kê đưa cho Q. Cùng lúc này, Nguyễn Hồng H vào hỏi mua số bao xiên hai gồm 89-98 và 56-65 với số tiền mỗi cặp là 1.000.000 đồng. Khi T nhận số tiền 2.000.000 đồng của H và ghi xong

tích kê đưa cho H thì Công an huyện An Dương phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng như trên.

Hành vi của Đỗ Thị Kim O và Ngô Thị H: Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại thu giữ của Đỗ Thị Kim O phát hiện ngày 02/11/2023 và ngày 06/11/2023 có tin nhắn zalo việc O bán số lô, đề. Kiểm tra điện thoại thu giữ của Ngô Thị H phát hiện nhiều tin nhắn vào ngày 05/11/2023 và ngày 09/11/2023 việc Hà đã bán số lô, đề cho người chơi.

Ngày 02/11/2023, Đỗ Thị Kim O đang bán số đề tại trước cửa nhà ở lô L4A khu chung cư Hoàng Huy, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng thì một tài khoản zalo có tên “Luu Trung Kiên” (chưa xác định được số điện thoại, đặc điểm nhân thân lai lịch của chủ tài khoản zalo) nhắn tin vào số điện thoại của O để mua các số lô đề, cụ thể: đề 56 với số tiền 1.000.000 đồng; lô 67, 89, 56, 75 mỗi số 1.000.000 đồng; xiên bốn 67, 89, 56, 75 là 500.000 đồng; xiên quay bốn 67, 89, 56, 75 với số tiền 50.000 đồng/cặp, tổng 11 cặp là 550.000 đồng, tổng số tiền là 6.050.000 đồng (bút lục số 227-239). O đã ghi vào sổ sau đó chụp lại gửi cho tài khoản zalo “Luu Trung Kiên” để xác nhận, kết quả sổ xổ miền Bắc khách không trúng đề. Đến ngày 03/11/2023, người này đã sử dụng tài khoản ngân hàng BIDV số 5050356094 mang tên Luu Trung Kiên chuyển số tiền 6.050.000 đồng vào tài khoản ngân hàng MB số 968337979 mang tên Đỗ Thị Kim O (bút lục số 271). Trong số tiền bán số đề ngày 02/11/2023, O giữ lại số tiền hưởng lợi 489.000 đồng, số tiền còn lại O đã chuyển cho 01 người (không rõ nhân thân lai lịch) để chuyển cho đối tượng Hương.

Ngày 06/11/2023, tài khoản zalo tên “Luu Trung Kiên” tiếp tục nhắn tin vào tài khoản zalo cho O để mua các số lô đề, cụ thể: đề 79, 18, 36, 37, 26 mỗi số 200.000 đồng; bao 79, 18, 36, 37 mỗi số 1.000.000 đồng; xiên quay bốn 79, 18, 36, 37 với số tiền 50.000 đồng/cặp, tổng 11 cặp là 550.000 đồng, tổng số tiền là 5.550.000 đồng nhưng nợ chưa thanh toán tiền cho O, kết quả người chơi không trúng, O và Hương chưa thanh toán tiền hưởng lợi từ bảng đề ngày 06/11/2023.

Ngày 05/11/2023, tại thôn Đình Ngọ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Ngô Thị H đang ngồi bán số lô, đề thì một tài khoản zalo mang tên “Khách Qua Dg” (chưa xác định được số điện thoại, đặc điểm nhân thân lai lịch của chủ tài khoản zalo) nhắn tin vào tài khoản zalo của Hà mua số lô đề như sau: đề 69 với số tiền 2.500.000 đồng, ba càng 169 là 1.500.000 đồng; bao 65 là 3.000.000 đồng; bao 27 là 2.000.000 đồng; xiên 27-65 là 1.000.000 đồng, tổng số tiền Hà bán số đề cho người này là 10.000.000 đồng, kết quả khách không trúng đề (bút lục số 371). Đến ngày 06/11/2023, người này sử dụng tài khoản ngân hàng ACB số 135313649 mang tên Vũ Văn Anh chuyển vào tài khoản ngân hàng MB số 060219466666 mang tên Ngô Thị H số tiền 6.000.000 đồng nợ lại 4.000.000 đồng (bút lục số 454). Trong số tiền bán đề ngày 05/11/2023, Hà được hưởng lợi số tiền 1.225.000 đồng, do khách nợ tiền nên đối tượng tên Thu chưa đến lấy số tiền còn lại.

Ngày 09/11/2023, Hà ngồi bán đề tại thôn Đình Ngọ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thì có tài khoản zalo tên “Khách Qua Dg” tiếp

tục nhắn tin vào tài khoản zalo cho Hà để mua các số lô đề, cụ thể: đề 12, 69 mỗi số 500.000 đồng; bao 28 là 2.500.000 đồng; bao 69, 12 mỗi số 1.500.000 đồng; ba càng 112, 169 mỗi số 250.000 đồng, tổng số tiền là 7.000.000 đồng. Ngoài ra một số tài khoản zalo khác (chưa xác định được nhân thân lai lịch) cũng nhắn tin cho Hà để mua số lô, đề với tổng số tiền là 2.155.000 đồng, cụ thể: Tài khoản zalo tên “Hà Điện Biên” mua số đề 12, 21, 05, 50, 150 mỗi số 10.000 đồng, tổng là 50.000 đồng. Tài khoản tên “Hoa Ngo” mua số đề 382 là 150.000 đồng. Tài khoản tên “Cà Hải” mua đề số 37, 73 mỗi số 10.000 đồng; xiên 00-73 là 30.000 đồng, tổng là 50.000 đồng. Tài khoản tên “Dũng Gà Ngon” mua xiên 18-59 là 100.000 đồng; xiên 81-95 là 50.000 đồng; xiên 18-95 là 50.000 đồng; xiên 59-81 là 50.000 đồng; xiên 18-08 là 100.000 đồng; xiên 18-08-59 là 50.000 đồng; xiên 08-11 là 50.000 đồng; xiên 18-11 là 50.000 đồng, tổng là 500.000 đồng. Tài khoản tên “H Ốc” mua số đề 06, 60, 36, 436, 70, 76, 031, 041, 31 mỗi số 10.000 đồng; số đề đầu 3 từ 30 đến 39 (10 số) mỗi số là 5.000 đồng; đề 88, 86, 68 mỗi số 10.000 đồng; đề 37, 67 mỗi số 10.000 đồng; xiên 36, 06 là 30.000 đồng; bao 34, 36, 37, 38, 27, 25 mỗi số 50.000 đồng; bao 06, 17 mỗi số 50.000 đồng; xiên 66, 36 là 30.000 đồng, tổng là 650.000 đồng. Tài khoản tên “Ngô Phạm Bảo Hân” mua số đề 311, 26, 62, 69, 695, 28, 95, 77, 88, 99, 66, 33, 44, 22, 00, 15 mỗi số 10.000 đồng; số đề 936, 36, 39, 40, 111, 11, 211, 89, 65, 37, 87, 78, 45, 79, 852, 57, 67 mỗi số 15.000 đồng; số đề 25, 52 mỗi số 20.000 đồng, tổng là 455.000 đồng. Tài khoản tên “Nguyễn Hải Dang” mua số đề đầu 6 từ 60 đến 69 (10 số) với số tiền mỗi số là 20.000 đồng; số đề 62, 67 mỗi số 50.000 đồng, tổng là 300.000 đồng. Cùng ngày, một người sử dụng số điện thoại 0355.015.668 nhắn tin cho Hà mua số lô, đề cụ thể: số đề 20, 12 mỗi số 50.000 đồng; xiên hai 56-20, 23-04, 98-72, 25-10 mỗi cặp 100.000 đồng, xiên 23-04-20-56 là 50.000 đồng; xiên 98-72-25-10 là 50.000 đồng, tổng số tiền là 600.000 đồng. Tất cả những người nhắn tin zalo đánh lô, đề với Hà đều chưa chuyển tiền cho Hà. Hà bán số lô, đề cho một số người không quen biết (chưa rõ nhân thân lai lịch) và ghi trên 05 tờ tích kê với tổng số tiền là 1.590.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Hà bán số lô đề ngày 09/11/2023 là 11.345.000 đồng (bút lục số 366-368; 371). Khi Hà đang ngồi bán đề thì bị cơ quan Công an phát hiện, kiểm tra thu giữ vật chứng như trên.

Tại bản Cáo trạng số 59/CT-VKSAD ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Phạm Thị Thúy M, Đỗ Thị Kim O, Nguyễn Thị T và Ngô Thị H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Thị Thúy M, Đỗ Thị Kim O, Nguyễn Thị T và Ngô Thị H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Các bị cáo rất hối hận về việc làm của mình; bị cáo T, bị cáo O đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội; các bị cáo M và bị cáo Hà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội

đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Thúy M, Đỗ Thị Kim O, Nguyễn Thị T và Ngô Thị H phạm tội “Đánh Bạc”.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58 và 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Thúy M từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 58 và 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo T tính từ ngày 09/11/2023.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Thị Kim O từ 07 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo O tính từ ngày 10/11/2023.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Thị H từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Giao bị cáo M và bị cáo Hà cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng và truy thu số tiền bán đề: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động iphone 6s, 01 điện thoại di động iphone 7plus, 01 điện thoại di động iphone 12promax và 01 điện thoại di động oppo. Tịch thu số tiền 5.000.000 đồng bị cáo T bán đề ngày 09/11/2023. Truy thu của bị cáo T số tiền 3.445.000đồng, bị cáo T đã nộp số tiền 440.000đồng trước ngày xét xử, trả lại bị cáo T 2.915.000đồng trong số tiền 5.920.000đồng thu giữ của bị cáo. Truy thu của bị cáo M số tiền 3.445.000đồng. Tịch thu số tiền 100.000 đồng bị cáo O bán đề ngày 09/11/2023 và truy thu của bị cáo O số tiền 11.600.000đồng. Tịch thu số tiền 650.000đồng bị cáo Hà bán đề ngày 09/11/2023, truy thu của bị cáo Hà số tiền 20.695.000đồng, bị cáo Hà đã nộp trước xét xử số tiền 1.225.000đồng nay bị cáo Hà nộp tiếp số tiền là 19.470.000đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội và tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Từ khoảng tháng 2/2023 đến tháng 10/2023, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Kim O và Ngô Thị H bán đề thuê cho Phạm Thị Thúy M để hưởng lợi. Ngày 22/9/2023, tại thôn 5 Ngõ Dương, xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Thị T đã bán số đề cho nhiều người (chưa xác định được nhân thân lai lịch) được số tiền 6.890.000 đồng, trong đó có người trúng đề số tiền 4.500.000 đồng. Nguyễn Thị T đã chuyển bảng đề ngày 22/9/2023 cho Phạm Thị Thúy M, tổng số tiền T và M đánh số đề ngày 22/9/2023 là 11.390.000 đồng, T hưởng lợi số tiền 440.000 đồng và M hưởng lợi từ việc thuê T bán số đề ngày 22/9/2023 là 1.950.000 đồng. Ngày 09/11/2023, Nguyễn Thị T đã bán số đề cho Vũ Văn Q, Nguyễn Hồng H với tổng số tiền bán số đề là 5.000.000 đồng. Vào các ngày 02/11/2023 và 06/11/2023, tại lô L4A khu chung cư Hoàng Huy, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Đỗ Thị Kim O đã bán số đề cho nhiều người (chưa xác định được nhân thân lai lịch) được số tiền lần lượt là 6.050.000 đồng và 5.550.000 đồng. Đỗ Thị Kim O đã hưởng lợi từ việc bán số đề ngày 02/11/2023 là 489.000 đồng. Vào các ngày 05/11/2023 và 09/11/2023, tại thôn Đình Ngõ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Ngô Thị H đã bán số đề cho nhiều người (chưa xác định được nhân thân lai lịch) được số tiền lần lượt là 10.000.000 đồng và 11.345.000 đồng. Ngô Thị H đã hưởng lợi từ việc bán số đề ngày 05/11/2023 là 1.225.000 đồng. Hành vi bán số đề của các bị cáo Phạm Thị Thúy M với số tiền là 11.390.000 đồng, bị cáo Đỗ Thị Kim O với số tiền là 11.600.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị T với số tiền là 16.390.000 đồng và bị cáo Ngô Thị H với số tiền là 21.345.000 đồng đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng song hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, đánh bạc là một trong những nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác nên cần phải xử lý thỏa đáng đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Vai trò của các bị cáo: Các bị cáo Phạm Thị Thúy M và Nguyễn Thị T phạm tội có đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo Đỗ Thị Kim O, Nguyễn Thị T và Ngô Thị H đều là người trực tiếp tham gia đánh bạc (bán số đề), riêng bị cáo Phạm Thị Thúy M thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức thu gom số đề, số lô của bị cáo Nguyễn Thị T, trong đó số tiền bị cáo Hà đánh bạc nhiều nhất, tiếp đến là bị cáo T, bị cáo O, thấp nhất là bị cáo M.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, hình phạt:

[5.1] Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo M còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Hà và bị cáo T (tác động đến người nhà) đã tự nguyện nộp lại số tiền hưởng lợi từ việc phạm tội, bị cáo Hà có bố để tham gia quân đội nên bị cáo T và bị cáo Hà được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thị Thúy M không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T, bị cáo O và bị cáo Hà bán đề hai lần vào các ngày 22/9/2023, ngày 09/11/2023 đối với bị cáo T, các ngày 02, 06/11/2023 đối với bị cáo O, các ngày 05, 09/11/2023 đối với bị cáo Hà, số tiền các bị cáo bán đề vào các ngày nêu trên đều trên 5.000.000đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.3] Về nhân thân, hình phạt: Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo T và bị cáo O nên áp dụng hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian đối với các bị cáo; bị cáo T và bị cáo O đều có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn bị cáo O nên áp dụng mức hình phạt tù ở mức thấp nhất đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Bị cáo M, bị cáo Hà có nhân thân tốt, bị cáo Hà tuy hai lần phạm tội nhưng mỗi lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng, các bị cáo M và Hà đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đều đã nhận thức được sai phạm của bản thân, có khả năng tự cải tạo và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly các bị cáo M, Hà khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo M và Hà được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung; giao bị cáo M và bị cáo Hà cho chính quyền nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Xét tính chất, hành vi vi phạm tội và hoàn cảnh gia đình các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đột với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và truy thu số tiền thu lợi từ việc phạm tội: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T sử dụng điện thoại di động iphone 6s, bị cáo O sử dụng điện thoại di động iphone 7plus, bị cáo M sử dụng điện thoại di động iphone 12promax và bị cáo Hà sử dụng điện thoại di động oppo; xét các điện thoại nêu trên là tài sản của các bị cáo nhưng các bị cáo đều sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Số tiền thu giữ trong vụ án là 11.670.000 đồng, trong đó có 5.920.000 đồng là tiền của của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T; số tiền còn lại 5.750.000đồng là tiền bị cáo T, bị cáo O, bị cáo Hà bán đề ngày 09/11/2023 (trong đó, của bị cáo T là 5.000.000đồng, của bị cáo O là 100.000 đồng và của bị cáo Hà là 650.000đồng), đây là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số

tiền các bị cáo hưởng lợi và đánh bạc cần phải truy thu để nộp ngân sách nhà nước, cụ thể: Truy thu của bị cáo T và bị cáo M mỗi bị cáo số tiền là 3.445.000đồng, truy thu của bị cáo O số tiền là 11.600.000đồng và truy thu của bị cáo Hà số tiền là 20.695.000đồng. Trước khi xét xử, bị cáo T đã nộp 440.000đồng (tại Biên lai thu tiền ngày 22/4/2024) và bị cáo Hà nộp 1.225.000đồng (tại Biên lai thu tiền ngày 04/4/2024). Khi bị bắt bị cáo T bị thu giữ số tiền 5.920.000đồng, tổng số tiền bị cáo T bị thu giữ và nộp trước xét xử là 6.360.000đồng, số tiền bị cáo T bị truy thu là 3.445.000đồng nên trả lại cho bị cáo T số tiền là 2.915.000đồng. Bị cáo Hà bị truy thu số tiền là 20.695.000đồng, bị cáo đã nộp 1.225.000đồng, nay bị cáo Hà phải nộp tiếp số tiền là 19.470.000đồng.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi đánh bạc trái phép của Vũ Văn Q, Nguyễn Hồng H, Lê Văn S ngày 09/11/2023; Đỗ Thị Kim O bán số đề ngày 09/11/2023 (số tiền sử dụng để đánh bạc là 100.000 đồng); Ngô Thị H bán số đề vào các ngày 07/11/2023 và 08/11/2023 (số tiền sử dụng để đánh bạc lần lượt là 520.000 đồng và 330.000 đồng) không đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, Công an huyện An Dương đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Q, H, S, O và Hà về hành vi này. Các số tài khoản đã chuyển tiền mua số đề cho Đỗ Thị Kim O và Ngô Thị H lần lượt là của Lưu Trung K, sinh năm 2002, trú tại khu phố 1 Tân S, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và Vũ Văn A, sinh năm 1982, trú tại thôn H, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, chưa xác định được người sử dụng tài khoản zalo “Lưu Trung Kiên” và tài khoản “Khách Qua Dg”, O và Hà đều không nhận dạng được người đã mua số đề của mình, hiện Kiên và Văn Anh đều vắng mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau. Đối với Hoàng Thị Thu Hương, Vũ Văn Đoàn có giao dịch chuyển tiền với Đỗ Thị Kim O, Nguyễn Thị T tuy nhiên O và T không nhớ chính xác số tiền chuyển khoản là những tiền gì, của ngày nào, quá trình điều tra Hương và Đoàn vắng mặt tại địa phương; đối tượng tên Thu đến thanh toán tiền bảng đề của Ngô Thị H và các đối tượng mua số đề khác, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau. Đối với các lần bán số đề khác của Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Kim O, Ngô Thị H, Phạm Thị Thúy M, quá trình điều tra, T, O, Hà và M đều không nhớ từng lần bán cho ai, bán vào ngày nào, được bao nhiêu tiền, ngoài lời khai của các bị cáo không còn tài liệu, chứng cứ nào khác, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị Thúy M.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Thị Kim O.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Thị H.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Thúy M, Đỗ Thị Kim O, Nguyễn Thị T và Ngô Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Thị T tính từ ngày 09/11/2023.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Kim O 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù của bị cáo Đỗ Thị Kim O tính từ ngày 10/11/2023.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thúy M 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Ngô Thị H 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Thị Thúy M cho Ủy ban nhân dân xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng và giao bị cáo Ngô Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Trường Thành, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Phạm Thị Thúy M, Ngô Thị H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

“1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị

quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.”

Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Thị Thúy M và bị cáo Ngô Thị H kể từ ngày tuyên án.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động iphone 6s, 01 điện thoại di động iphone 7plus, 01 điện thoại di động iphone 12promax và 01 điện thoại di động oppo (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng); Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.750.000đồng trong số tiền 11.670.000đồng tại Biên lai thu tiền số 0007018 ngày 08/4/2024.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự: Truy thu của bị cáo Phạm Thị Thúy M và bị cáo Nguyễn Thị T mỗi bị cáo số tiền là 3.445.000đồng; truy thu của bị cáo Đỗ Thị Kim O số tiền là 11.600.000đồng và truy thu của bị cáo Ngô Thị H số tiền là 20.695.000đồng. Số tiền bị cáo Nguyễn Thị T bị truy thu được trừ vào số tiền 5.920.000đồng trong số tiền 11.670.000đồng tại Biên lai thu tiền số 0007018 ngày 08/4/2024 và số tiền 440.000đồng bị cáo T nộp tại Biên lai thu tiền số 007189 ngày 22/4/2024, nay trả lại cho bị cáo T số tiền là 2.915.000đồng (số tiền trả lại bị cáo T trong số tiền 11.670.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0007018 ngày 08/4/2024). Số tiền bị cáo Ngô Thị H bị truy thu được trừ vào số tiền 1.225.000 đồng bị cáo Hà nộp tại Biên lai thu tiền số 0007167 ngày 04/4/2024, nay bị cáo Hà phải nộp tiếp số tiền là 19.470.000đồng.

(Các biên lai thu tiền đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc bị cáo Phạm Thị Thúy M, Đỗ Thị Kim O, Nguyễn Thị T và Ngô Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện An Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương;
- Trại Tạm giam Công an T.P Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng
- Phòng PV 06, PC 10 Công an T.P Hải Phòng;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên